

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-10-2021  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đinh Tiền Phương  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Trần Mỹ Tân  
Bà Nguyễn Thị Phúc

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Luyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2021/TBMPT ngày 12 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kiều Ch, sinh năm 1991; (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Đ, xã B, Hện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1986; (có mặt)

Địa chỉ: xã B, Hện T, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ch trình bày: Bà và ông Nguyễn Hoàng Tr tự tìm hiểu nhau và có tiền đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An vào ngày 26/7/2010 theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng sống chung với nhau hòa thuận, vui vẻ. Nhưng đến năm 2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, ông Tr thường xuyên ăn nhậu, không lo chăm sóc vợ, con. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không hạnh

phúc. Bà và ông Tr sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Hiện tại, bà cũng có tình cảm với người khác. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr.

Về nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, bà và ông Tr có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 09/5/2007. Hiện tại con chung đang sống với ông Tr. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung và bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định bà và ông Tr không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông Tr không có nợ ai.

Suốt quá trình tố tụng từ lúc thụ lý vụ án đến trước ngày mở phiên tòa, bị đơn ông Tr luôn vắng mặt không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Ch. Tại phiên tòa, ông Tr có mặt có ý kiến như sau: Ông thống nhất thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn. Ông xác định vợ chồng có mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, không còn khả năng hàn gắn được, cả hai đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay nên bà Ch yêu cầu ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý. Về con chung: Ông thống nhất có 01 con chung như bà Ch đã trình bày. Hiện tại, con chung đang do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà Ch phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác định ông và bà Ch không có tài sản chung, không có nợ ai.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành phiên họp công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và không tiến hành hòa giải vụ án được do ông Tr được triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kiều Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr. Ông Tr đang cư trú tại xã B, huyện T, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều Ch:

[2.1] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Ch và ông Tr tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 48/2010 đăng ký ngày 26/7/2010 do Ủy ban nhân dân xã NT (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An cấp, nên xác định hôn nhân giữa bà Ch và ông Tr là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà Ch và ông Tr đều thừa nhận có mâu thuẫn tình cảm, không

còn khả năng hàn gắn được và cả hai đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Tr và ông Tr cũng đồng ý. Điều đó chứng tỏ mẫu thuẫn tình cảm giữa bà Ch và ông Tr là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà Ch yêu cầu được ly hôn với ông Tr là có cơ sở nên chấp nhận xử cho bà Ch được ly hôn với ông Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Tại thời điểm xét xử, con chung tên là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 09/5/2007 đã đủ 07 tuổi và có ý kiến nguyện vọng được ở với ông Tr. Xét thấy, hiện tại con chung đang do ông Tr trực tiếp nuôi dưỡng, đang có cuộc sống ổn định. Bà Ch yêu cầu ông Tr nuôi con chung và ông Tr cũng đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, trên cơ sở yêu cầu của bà Ch và ý kiến của con chung, vì lợi ích của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu H cho ông Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Tr không yêu cầu bà Ch phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Bà Ch và ông Tr đều xác định không có tài sản chung, không có nợ ai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Ch phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều Ch về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" đối với ông Nguyễn Hoàng Tr.

1. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều Ch được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng Tr.

2. Về nuôi con chung và mức cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Nguyễn Hoàng Tr được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên là Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 09/5/2007. Bà Nguyễn Thị Kiều Ch không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Ch đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004490 ngày 16/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Kiều Ch đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- UBND xã NT (Nay là xã B), huyện T, tỉnh Long An; (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Đinh Tiên Phương**